

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M'ĐRẮK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2020/DS-ST**  
Ngày 24 - 4 - 2020  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đình Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Trọng Búp, ông Nguyễn Văn Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hòa Bình, thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk** tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 06/4/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng N

Địa chỉ: đường L, phường T, Quận B, TP. Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lưu Hải T1 – Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

*Người được ủy quyền lại:* Ông Nguyễn Văn T2 Theo văn bản ủy quyền số 30/NHNMDR ngày 02 tháng 01 năm 2020 (Có mặt).

Địa chỉ: đường N1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

**2. Bị đơn:** Bà Không Hồng M. Địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 26/4/2018 Ngân hàng N – Chi nhánh M, tỉnh Đắk Lắk (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho bà Không Hồng M vay 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201801004. Mục đích vay để trồng mía, chăn nuôi bò, mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay là 36 tháng; Phân kỳ trả nợ gốc: Kỳ 1: ngày 26/4/2019 trả

30.000.000 đồng, kỳ 2: ngày 26/4/2020 trả 30.000.000 đồng, kỳ 3: ngày 26/4/2021 trả 40.000.000 đồng. Tiền lãi trả theo kỳ gốc, lãi suất trong hạn là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Hình thức vay: Tín chấp, có cam kết bảo đảm bằng tài sản là 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCN QSD đất) cụ thể: GCN QSD đất số U258198 cấp ngày 10/3/2002 do UBND huyện M cấp cho hộ Nguyễn Thị G (đã chuyển nhượng cho bà Khổng Hồng M ngày 22/8/2011) và GCN QSD đất số U258199 cấp ngày 10/3/2002 do UBND huyện M cấp cho hộ Nguyễn Thị G (đã chuyển nhượng cho bà Khổng Hồng M ngày 22/8/2011).

Sau khi ký hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền trên cho bà Khổng Hồng M. Quá trình thực hiện hợp đồng bà M chưa trả bất kỳ khoản tiền gốc và tiền lãi nào, vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng. Mặc dù ngân hàng đôn đốc, tạo điều kiện để trả nợ nhưng bà M vẫn cố tình chây ỳ, không trả nợ.

Ngân hàng yêu cầu bà Khổng Hồng M phải trả cho Ngân hàng số nợ tính đến hết ngày 24/4/2020 là 124.720.274 đồng, trong đó 100.000.000 đồng tiền gốc và 23.000.000 đồng tiền lãi trong hạn, 1.720.274 đồng tiền lãi quá hạn. Từ ngày 25/4/2020 tiếp tục tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trên nợ gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng.

\* Bị đơn bà Khổng Hồng M cố tình lẩn tránh, Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bà Khổng Hồng M vắng mặt không có lý do.

\* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn bà Khổng Hồng M vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không chấp hành pháp luật vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 465, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tố chức tín dụng.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Khổng Hồng M phải trả cho Ngân hàng số nợ tính đến hết ngày 24/4/2020 là 124.720.274 đồng, trong đó 100.000.000 đồng tiền gốc và 23.000.000 đồng tiền lãi trong hạn, 1.720.274 đồng tiền lãi quá hạn. Từ ngày 25/4/2020 tiếp tục tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trên nợ gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại huyện M, tỉnh Đắk Lắk và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà Không Hồng M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 26/4/2018 bà Không Hồng M có ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 5210LAV201801004 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 11,5%/năm, thời hạn vay là 36 tháng; Phân kỳ trả nợ gốc, kỳ 1: ngày 26/4/2019 trả 30.000.000 đồng, kỳ 2: ngày 26/4/2020 trả 30.000.000 đồng, kỳ 3: ngày 26/4/2021 trả 40.000.000 đồng, tiền lãi trả theo kỳ gốc. Quá trình thực hiện hợp đồng bà M chưa trả được khoản tiền gốc, lãi nào. Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Nay đã quá hạn trả nợ gốc kỳ 1 nhưng bà M không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm Điều 4, điểm b mục 6.1 Điều 6 hợp đồng tín dụng. Như vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M trả toàn bộ dư nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 24/4/2020 là 124.720.274 đồng, trong đó 100.000.000 đồng tiền gốc và 23.000.000 đồng tiền lãi trong hạn, 1.720.274 đồng tiền lãi quá hạn là có cơ sở, cần chấp nhận.

Kể từ ngày 25/4/2020 bà Không Hồng M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.2] Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm GCN QSD đất số U258198 cấp ngày 10/3/2002 do UBND huyện M cấp cho hộ Nguyễn Thị G (đã chuyển nhượng cho bà Không Hồng M ngày 22/8/2011) và GCN QSD đất số U258199 cấp ngày 10/3/2002 do UBND huyện M cấp cho hộ Nguyễn Thị G (đã chuyển nhượng cho bà Không Hồng M ngày 22/8/2011). Ngày 23/4/2018 bà Không Hồng M ký cam kết thực hiện bảo đảm bằng tài sản. Tuy nhiên, đây không phải là tài sản thế chấp, việc cam kết không được xác nhận bởi Cơ quan có thẩm quyền nên Ngân hàng phải trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà Không Hồng M.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Không Hồng M phải chịu 124.720.274 đồng x 5% = 6.236.000 đồng (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 463, 465, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 26 nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Khổng Hồng M phải trả cho Ngân hàng N số nợ tính đến hết ngày 24/4/2020 là 124.720.274 đồng, trong đó 100.000.000 đồng tiền gốc và 23.000.000 đồng tiền lãi trong hạn, 1.720.274 tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 5210LAV201801004 ngày 26/4/2018.

Kể từ ngày 25/4/2020 bà Khổng Hồng M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng N phải trả cho bà Khổng Hồng M 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm GCN QSD đất số U258198 cấp ngày 10/3/2002 do UBND huyện M cấp cho hộ Nguyễn Thị G (đã chuyển nhượng cho bà Khổng Hồng M ngày 22/8/2011) và GCN QSD đất số U258199 cấp ngày 10/3/2002 do UBND huyện M cấp cho hộ Nguyễn Thị G (đã chuyển nhượng cho bà Khổng Hồng M ngày 22/8/2011).

2. Về án phí: Bà Khổng Hồng M phải chịu 6.236.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M 2.939.000 đồng (*Hai triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003396 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrăk;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Vũ Đình Nam**